

Số: 1615631

|                                            | Kia K3 2.0 Premium      | Mazda CX-3 1.5L Premium |
|--------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>624.000.000đ</b>     | <b>641.000.000đ</b>     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                         |                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4640 x 1800 x 1450      | 4275 x 1765 x 1535      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2700                    | 2570                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                    | 5300                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                     | 155                     |
| Khối lượng không tải (kg)                  | n/a                     | 1276                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | n/a                     | 1695                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                     | 350                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 50                      | 48                      |
| Số chỗ ngồi                                | 5                       | 5                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | Nhập Khẩu               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                         |                         |
| Loại động cơ                               | 2.0 MPI NU              | Skyactiv-G 1.5L         |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                    | 1496                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 150 / 6200              | 110 / 6000              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4000              | 144 / 4000              |
| Hộp số                                     | 6AT                     | 6AT                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)         |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson              | Độc lập Mc Pherson      |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn              | Thanh xoắn              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                     | Đĩa                     |
| Thông số lốp xe                            | 225/45 R17              | 215/50 R18              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 10.56                   | 8.56                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.75                    | 5.02                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.53                    | 6.31                    |
| Chế độ lái                                 | Eco/Comfort/Sport/Smart | Normal/Sport            |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                         |                         |
| Cụm đèn trước                              | LED                     | LED                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                       | ●                       |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                       |
| Đèn sương mù                               | LED                     | LED                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | LED                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | ●                       |
| Cửa sổ trời                                | ●                       |                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                         |                         |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                       |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da                      |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                       | ●                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                       | ●                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                       | ●                       |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                       |                         |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                       |                         |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                       |

|                                    |          |                  |
|------------------------------------|----------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | LCD 4.2" | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 10.25"   | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●        | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●        | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2        | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●        |                  |
| Chìa khóa thông minh               | ●        | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●        | ●                |
| Khởi động từ xa                    | ●        |                  |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 Loa    | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                      | ●        | ●                |
| Sạc không dây Qi                   | ●        |                  |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |             |                |
|--------------------------------------------|-------------|----------------|
| Số túi khí                                 | 6           | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●           | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●           | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●           | ●              |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●           | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●           | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●           | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Trước & Sau | Sau            |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●           | Cruise control |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp              | ●           |                |
| Camera lùi                                 | ●           | ●              |